TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ THƯ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 56B/2018/HNGĐ-ST
Ngày 15/11/2018
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ - TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán -Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Toàn Thắng.

- Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Thanh Tâm, bà Trần Thị Thu Hiền.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim.

- Đại diện VKSND huyệnVũ Thư: Bà Lê Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vũ Thư, xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 223/2018/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 9 năm 2018, về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2018/QĐXX-ST ngày 30 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đinh Thị P**, sinh năm 1955 (có mặt).

Trú quán: Thôn C, xã X, huyện V, tỉnh T.

- Bị đơn: Ông **Vũ Văn L**, sinh năm 1944 (có mặt).

Trú quán: Thôn P, xã X, huyện V, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của nguyên đơn (Bà Đinh Thị P) trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị P kết hôn với ông Vũ Văn L do hai người tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký tại UBND xã X, huyện V, tỉnh T ngày 17 tháng 9 năm 2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận tại xã X, huyện V, tỉnh T đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm và thường

xuyên cãi nhau, vì vậy vợ chồng ly thân từ tháng 02/2018 đến nay. Bà P xác định không còn tình cảm với ông L nên bà xin được ly hôn.

- Về con chung: Bà P khai không có con chung với ông L , không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn: Ông Vũ Văn L trình bày tại Tòa án: Ông thừa nhận thời gian kết hôn như bà P trình bày là đúng. Nhưng ông cho rằng ông không đánh bà P, vợ chồng vui vẻ không có bạo lực gia đình, không đuổi bà P mà do bà P bỏ nhà đi từ ngày 20/3/2018 đến nay.

Bà P có đơn xin ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn và ông xin được đoàn tụ. Tuy nhiên ông cũng thừa nhận không có giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng

Về con chung: Ông L khai không có con chung với bà P, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 26 tháng 10 năm 2018 UBND xã X, huyện V, tỉnh T đã cung cấp như sau:

Bà Đinh Thị P kết hôn với ông Vũ Văn L do hai người tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký tại UBND xã X, huyện V, tỉnh T ngày 17 tháng 9 năm 2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận tại xã X, huyện V, tỉnh T đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, hàng ngày luôn bất đồng quan điểm, nảy sinh cãi vã. Ông L hay cằn nhằn, nói nhiều nên bà P càng chán nản hơn. Đến tháng 02/2018 bà P bỏ nhà đi nên vợ chồng ly thân từ đó đến nay.

Nay bà P có đơn xin ly hôn ông L, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết cho bà P được ly hôn ông L vì vợ chồng không còn tình cảm, không có khả năng đoàn tụ được.

Về con chung: Bà P và ông L không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà P và ông L không yêu cầu nên địa phương đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để xem xét.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư phát biểu tại phiên toà về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với các đương sự: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đại diệnViện kiểm sát đề nghị hướng giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Đề nghị:

- Xử cho bà P được ly hôn ông L.

- Về con chung: Không có. Không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung, và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: bà P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: bà P có đơn xin ly hôn ông L trú tại thôn P, xã X, huyện V, tỉnh T. Theo quy định tại điểm a khoản 2 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị P kết hôn với ông Vũ Văn L do hai người tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký tại UBND xã X, huyện V, tỉnh T ngày 17 tháng 9 năm 2005 là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận tại xã X, huyện V, tỉnh T đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, hàng ngày luôn bất đồng quan điểm, nảy sinh cãi vã. Ông L hay cằn nhằn, nói nhiều nên bà P càng chán nản hơn. Đến tháng 02/2018 bà P bỏ nhà đi nên vợ chồng ly thân từ đó đến nay, nhưng ông L không có giải pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy cần xử cho bà Đinh Thị P được ly hôn ông Vũ Văn L là phù hợp quy định của luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Xét thấy bà P và ông L không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, và nợ chung: Bà P và ông L không yêu cầu, nên không giải quyết.

[5] Về án phí: Bà P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1/ Quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Đinh Thị P được ly hôn ông Vũ Văn L .

2/ Về con chung: Bà Đinh Thị P và ông Vũ Văn L không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

3/ Về tài sản chung, và nợ chung: Bà Đinh Thị P và ông Vũ Văn L không yêu cầu. Không đặt ra giải quyết.

4/ □n phí: Bà Đinh Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. (Chuyển số tiền 300.000 đồng bà P đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0003110 ngày 26/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V thành án phí).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Hà Toàn Thắng

Nơi nhận:
- *VKSND huyện V;*
- *Các đương sự;*
- *Chi cục THA huyện V;*
- *UBND xã X, huyện V;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*